

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC NGÀY 30/01/2016
MÔN: TIN HỌC ỨNG DỤNG - TRÌNH ĐỘ B

Số TT	Họ và tên	SBD	Lớp TT	Khóa học (Từ ngày - Đến ngày)		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thục Anh	THB01	THB5	12/9/2015	12/01/2016	13/11/1995	Văn Thành - Yên Thành - Nghệ An	8,5	6,0	7,3	Khá	
2	Hoàng Tuấn Anh	THB02	THB5	12/9/2015	12/01/2016	07/10/1994	Tân Mỹ - TP. Bắc Giang	8,5	5,0	6,8	Trung Bình	
3	Lê Văn Anh	THB03	THB2	16/4/2015	29/8/2015	26/12/1995	Viễn Sơn - Văn Yên - Yên Bái	9,0	4,5	6,8	Trung Bình	
4	Lê Thị Ngọc Ánh	THB04	THB5	12/9/2015	12/01/2016	31/3/1996	Thượng Trung - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	8,5	3,5	6,0	Trung Bình	
5	Chu Văn Chinh	THB05	THB4	12/9/2015	12/01/2016	28/12/1994	Tân An - Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	5,5	6,0	Trung Bình	
6	Giáp Mạnh Cường	THB06	THB4	12/9/2015	12/01/2016	28/4/1996	Hồng Giang - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,5	6,0	Trung Bình	
7	Đoàn Thị Diễm	THB07	THB4	12/9/2015	12/01/2016	23/11/1995	Kim Tân - Kim Thành - Hải Dương	8,5	6,0	7,3	Khá	
8	Trần Đăng Dũng	THB08				12/01/1986	Nhân Hòa - Quế võ - Bắc Ninh	7,0	7,0	7,0	Khá	
9	Trần Thị Duyên	THB09	THB5	12/9/2015	12/01/2016	15/11/1996	Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	3,0	2,5	2,8	Không đạt	
10	Nguyễn Đức Giang	THB10	THB5	12/9/2015	12/01/2016	07/02/1994	Thụy Việt - Thái Thụy - Thái Bình	6,5	6,0	6,3	Trung Bình	
11	Phạm Thị Thanh Hà	THB11	THB4	12/9/2015	12/01/2016	28/12/1995	P. Ngô Quyền - TP. Bắc Giang	5,0	5,5	5,3	Trung Bình	
12	Nguyễn Thê Hải	THB12	THB5	12/9/2015	12/01/2016	25/5/1997	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	3,0	2,0	2,5	Không đạt	
13	Chu Thị Hằng	THB13	THB4	12/9/2015	12/01/2016	28/02/1997	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	5,0	5,0	Trung Bình	
14	Trịnh Thị Hồng Hạnh	THB14	THB5	12/9/2015	12/01/2016	17/7/1995	Nam Tân - Nam Sách - Hải Dương	5,5	5,0	5,3	Trung Bình	
15	Lộc Xuân Hiếu	THB15	THB4	12/9/2015	12/01/2016	17/10/1996	Mai Pha - TP. Lạng Sơn	3,5	1,5	2,5	Không đạt	
16	Lý Thị Cúc Hoa	THB16	THB4	12/9/2015	12/01/2016	06/9/1996	Sơn Dương - Hoành Bồ - Quảng Ninh	2,5	4,0	3,3	Không đạt	
17	Nguyễn Thị Hoa	THB17				21/9/1988	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	8,0	7,3	Khá	
18	Đoàn Mạnh Hùng	THB18	THB4	12/9/2015	12/01/2016	17/04/1995	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	3,5	2,0	2,8	Không đạt	
19	Ngô Trí Huy	THB19	THB4	12/9/2015	12/01/2016	18/8/1995	Mĩ Độ - TP. Bắc Giang	5,5	2,0	3,8	Không đạt	
20	Triệu Thu Huyền	THB20	THB4	12/9/2015	12/01/2016	24/8/1995	TT. Cao Lộc - Cao Lộc - Lạng Sơn	5,5	1,5	3,5	Không đạt	
21	Trần Thị Lài	THB21	THB5	12/9/2015	12/01/2016	13/4/1993	Nghĩa Hợp - Tân Kỳ - Nghệ An	9,5	6,0	7,8	Khá	
22	Trần Thị Bích Liên	THB22				19/5/1972	Liên Bảo - Tiên Du - Bắc Ninh	9,5	8,0	8,8	Giỏi	

Số TT	Họ và tên	SBD	Lớp TT	Khóa học (Từ ngày - Đến ngày)		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
23	Trương Mỹ Linh	THB23	THB5	12/9/2015	12/01/2016	25/7/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	8,5	8,0	8,3	Giỏi	
24	Đinh Vĩnh Long	THB24	THB4	12/9/2015	12/01/2016	26/10/1977	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	8,5	6,0	7,3	Khá	
25	Trần Thị Luyện	THB25	THB4	12/9/2015	12/01/2016	27/01/1995	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	7,0	7,8	Khá	
26	Trần Thị May	THB26	THB4	12/9/2015	12/01/2016	12/12/1997	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	4,0	5,3	Trung Bình	
27	Nguyễn Trung Nam	THB27	THB4	12/9/2015	12/01/2016	24/02/1996	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	4,5	4,0	4,3	Không đạt	
28	Nguyễn Ánh Ngọc	THB28	THB4	12/9/2015	12/01/2016	17/4/1995	Nghĩa Lộ - Văn Chấn - Yên Bái	5,0	3,5	4,3	Không đạt	
29	Ngô Thị Ngọc	THB29	THB5	12/9/2015	12/01/2016	21/8/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	3,5	4,5	4,0	Không đạt	
30	Vũ Kiều Oanh	THB30	THB4	12/9/2015	12/01/2016	08/12/1996	Lan Mẫu - Lục Nam - Bắc Giang	2,5	4,5	3,5	Không đạt	
31	Ngô Duy Phong	THB31	THB4	12/9/2015	12/01/2016	10/01/1996	Tân Đình - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	2,5	5,0	Không đạt	
32	Lại Văn Phước	THB32	THB5	12/9/2015	12/01/2016	26/5/1995	P. Noong Bua - TP. Điện Biên	8,5	3,5	6,0	Trung Bình	
33	Vũ Hồng Phương	THB33				26/11/1993	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	6,0	6,5	Trung Bình	
34	Vừ Mí Pó	THB34	THB4	12/9/2015	12/01/2016	8/11/1995	Xín Cái - Mèo Vạc - Hà Giang	4,0	1,0	2,5	Không đạt	
35	Tổng Văn Quang	THB35	THB4	12/9/2015	12/01/2016	10/5/1995	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	5,5	4,5	5,0	Trung Bình	
36	Doãn Văn Quang	THB36	THB5	12/9/2015	12/01/2016	24/6/1996	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	5,5	5,0	5,3	Trung Bình	
37	Lê Thị Như Quỳnh	THB37				12/02/1994	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	5,5	5,0	5,3	Trung Bình	
38	Nguyễn Bá Hồng Sơn	THB38	THB4	12/9/2015	12/01/2016	04/6/1997	Nam Phương Tiến - Chương Mỹ - Hà Nội	6,0	4,0	5,0	Trung Bình	
39	Nguyễn Ngọc Sơn	THB39	THB5	12/9/2015	12/01/2016	20/10/1996	Lương Mông - Ba Chẽ - Quảng Ninh	7,5	3,0	5,3	Trung Bình	
40	Nguyễn Thế Sơn	THB40	THB5	12/9/2015	12/01/2016	03/4/1994	Hoàng Thanh - Hiệp Hòa - Bắc Giang	9,0	4,0	6,5	Trung Bình	
41	Nguyễn Thị Minh Tâm	THB41	THB5	12/9/2015	12/01/2016	20/12/1996	Xuân Lâm - Thuận Thành - Bắc Ninh	7,5	4,0	5,8	Trung Bình	
42	Chu Văn Mạnh Thái	THB42	THB4	12/9/2015	12/01/2016	04/8/1996	P. Tân Hồng - TX. Từ Sơn - Bắc Ninh	6,0	5,0	5,5	Trung Bình	
43	Hoàng Thị Thanh	THB43				30/10/1996	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	5,0	6,8	Trung Bình	
44	Đinh Hoàng Thanh	THB44	THB2	16/4/2015	29/8/2015	24/8/1995	Ninh Hải - Hoa Lư - Ninh Bình	7,0	9,0	8,0	Giỏi	
45	Nguyễn Tuấn Thành	THB45	THB4	12/9/2015	12/01/2016	19/5/1997	P. Vệ An - TP. Bắc Ninh	7,0	9,0	8,0	Giỏi	
46	Trần Hương Thảo	THB46				04/8/1995	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	7,0	7,0	Khá	
47	Nguyễn Thị Thơm	THB47				13/11/1996	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	0,0	2,5	Không đạt	
48	Trần Thị Thu	THB48	THB4	12/9/2015	12/01/2016	18/6/1995	Thanh Lâm - Ba Chẽ - Quảng Ninh	7,5	3,5	5,5	Trung Bình	
49	Nguyễn Thu Hoài	THB49	THB5	12/9/2015	12/01/2016	01/9/1995	Giáp Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,5	7,0	8,3	Giỏi	
50	Nguyễn Thị Thương	THB50	THB4	12/9/2015	12/01/2016	10/11/1996	Cảnh Hưng - Tiên Du - Bắc Ninh	9,5	6,0	7,8	Khá	
51	Từ Thị Huyền Trang	THB51	THB5	12/9/2015	12/01/2016	06/10/1996	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	9,5	2,0	5,8	Không đạt	

Số TT	Họ và tên	SBD	Lớp TT	Khóa học (Từ ngày - Đến ngày)		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
52	Nguyễn Văn Trường	THB52	THB4	12/9/2015	12/01/2016	14/02/1996	Yên Trung - Yên Phong - Bắc Ninh	9,5	6,0	7,8	Khá	
53	Ma Thanh Tuấn	THB53	THB4	12/9/2015	12/01/2016	23/3/1995	Đức Thông - Thạch An - Cao Bằng	3,5	0,0	1,8	Không đạt	
54	Hạ Tiến Tùng	THB54	THB5	12/9/2015	12/01/2016	02/12/1997	Vĩnh Sơn - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	2,5	1,0	1,8	Không đạt	
55	Hoàng Thanh Tùng	THB55	THB5	12/9/2015	12/01/2016	14/01/1995	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,5	4,0	6,3	Trung Bình	
56	Vi Thị Lan Uyên	THB56	THB5	12/9/2015	12/01/2016	15/12/1996	P. Tam Thanh - TP. Lạng Sơn	8,0	3,5	5,8	Trung Bình	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 56

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 17

Số thí sinh đạt yêu cầu: 39

Trong đó:

Loại Giỏi 5

Loại Khá 10

Loại Trung bình 24

**Chủ tịch Hội đồng
Xét kết quả kiểm tra**

(Đã ký)

TS. Đoàn Văn Soạn

**Thư ký Hội đồng
Xét kết quả kiểm tra**

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Việt Đức

Bắc Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2016
Chủ tịch Hội đồng kiểm tra

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền